

12. Future simple tense (Thì tương lai đơn)

Bài 1: Điền vào chỗ trống

Đáp án

1. will visit
2. will not (won't) have
3. will buy
4. will not (won't) go
5. Will you help
6. will call
7. will not (won't) be

Bài 2: Chuyển câu sang phủ định và nghi vấn

Đáp án

- Khẳng định: She will travel to London next month.
- Phủ định: She **will not** travel to London next month. (She **won't** travel...)
- Nghi vấn: **Will** she travel to London next month?
- Khẳng định: I will cook dinner tonight.
- Phủ định: I **will not** cook dinner tonight. (I **won't**...)
- Nghi vấn: **Will** you cook dinner tonight?
- Khẳng định: They will finish the project by tomorrow.
- Phủ định: They **will not** finish the project by tomorrow.
- Nghi vấn: **Will** they finish the project by tomorrow?

Bài 3: Chọn đáp án đúng.

Đáp án

1. A (will help)
2. B (will travel)
3. A (will drive)
4. A (won't go)
5. C (Will)

Bài 4: Hãy viết lại câu dùng thì tương lai đơn (will) theo ý nghĩa trong ngoặc.

Đáp án

1. I **promise I won't** tell anyone about your secret.
2. It **will be** hotter in the next few days.
3. **Shall I** carry this bag for you? (Hoặc: "Will I carry this bag for you?" – nhưng "Shall I" rất thông dụng cho đề nghị.)
4. Oh, it's raining! I **will open** an umbrella for you.
5. **Will you** email me the new schedule, please?

Bài tập 5: Hoàn thành đoạn hội thoại bằng cách dùng will / won't + V-bare inf.

Đáp án (tham khảo)

Ben: Maybe it **will**.

Anna: Well, I **won't** go hiking if it rains.

Ben: No problem. I **will** go hiking alone then. By the way, **will** you help me...?

Anna: Sure, I **will** help you.

Ben: ... I promise I **won't** forget...

Anna: That's good... I **will** remind you again...

Bài 6: Mỗi câu dưới đây có một lỗi liên quan đến cách dùng thì tương lai đơn hoặc trợ động từ will. Tìm và sửa.

Đáp án

1. I will not **go** to the party tonight... (Bỏ "to" sau "will not.")
2. Will you **help** me do the dishes...? (Không chia "helps.")
3. He **will not** finish his homework on time. (Đảo "not will" → "will not.")
4. **Shall** we **go** out for a coffee later? (Không dùng "going.")
5. They won't **travel** next month. (Không dùng "to" sau "won't.")